

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NHV
Số: 1809/2020/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

*Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam*

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHV
 - Mã chứng khoán: NHV
 - Trụ sở chính: Tầng 4, Tháp C, Khu tòa nhà hỗn hợp văn phòng dịch vụ và nhà ở, số 219 Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 - Điện thoại: 024 7300 1388 Fax: 024 7300 1398
 - Người thực hiện công bố thông tin: Lưu Quang Thịnh
 - Loại hình công bố: 24h 72h Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
- Nội dung thông tin công bố:
CBTT về việc: Kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/09/2020 tại đường dẫn: <https://nhv.com.vn/blogs/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người chịu trách nhiệm công bố thông tin



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Quang Thịnh

Số: 37337 /QĐ-CCT-KTr2

Cầu Giấy, ngày 15 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

*Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
Căn cứ các Luật thuế, Luật Phí và lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung,
hướng dẫn thi hành;*

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-TCT ngày 14/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Chi cục thuế quận, huyện, thị xã và thành phố và Chi cục Thuế khu vực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thuế ký ngày 10/9/2020 giữa Công ty CP đầu tư NHV và Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 35223/QĐ-CCT-KTr2 ngày 24/08/2020 của Chi Cục Trưởng Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy về việc kiểm tra thuế tại Công ty CP đầu tư NHV;

Căn cứ Quyết định ủy quyền số 25284/QĐ-CCT ngày 01/6/2020 của Chi Cục Trưởng Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Tôi: Nguyễn Thành Trung;

Chức vụ: Phó Chi Cục trưởng, Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty CP đầu tư NHV;

Mã số thuế: 4600483821;

Địa chỉ: Tầng 04, Tháp C, Khu hỗn hợp cao tầng văn phòng - dịch vụ th, P.Yên Hòa, Q.Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600483821 do Sở KH và ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/01/2009, thay đổi lần 10 ngày 21/12/2018.

Người đại diện theo pháp luật: Lưu Quang Thịnh

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám Đốc

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

- Khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp nhưng người nộp thuế đã ghi chép kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế làm phát sinh nghĩa vụ thuế trên sổ kế toán,



hóa đơn, chứng từ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ.

3. Các tình tiết tăng nặng: Không có.

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Không có.

5. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Cụ thể:

- Phạt tiền (TM 4254), số tiền: 58,585,656 đồng theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 138 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1, Khoản 2, Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ do có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không có.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

* Chi tiết các biện pháp:

- Nộp đủ số tiền thuế GTGT còn thiếu vào Ngân sách nhà nước, số tiền 52,621,250 đồng (Năm 2017: 8,094,537 đồng, Năm 2018: 10,176,841 đồng, Năm 2019: 34,349,872 đồng) – TM 1701.

- Nộp đủ số tiền thuế TNDN còn thiếu vào Ngân sách nhà nước, số tiền 240,307,031 đồng (Năm 2017: 26,953,944 đồng, Năm 2018: 1,937,891 đồng, Năm 2019: 211,415,196 đồng) – TM 1052.

- Nộp tiền chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 25,537,087 đồng theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 59, Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Luật Quản lý thuế và Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ do có hành vi chậm nộp tiền thuế. Trong đó:

+ Tiền chậm nộp thuế GTGT số tiền: 7,598,868 đồng – TM 4931.

+ Tiền chậm nộp thuế TNDN số tiền: 17,938,219 đồng – TM 4918.

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 10/9/2020. Yêu cầu Công ty tự tính và nộp số tiền phạt chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 11/9/2020 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách Nhà Nước theo quy định.

d). Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là: 377,051,024 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm năm mươi một nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng).

* Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả: 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

* Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả.

6. Một số nội dung xử lý khác:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà) Lưu Quang Thịnh là đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty CP đầu tư NHV phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty CP đầu tư NHV không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Tổ chức và cá nhân có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty CP đầu tư NHV không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty CP đầu tư NHV có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc quận Cầu Giấy để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Chi cục Thuế quận Cầu Giấy; Đội trưởng Đội kiểm tra thuế số 2 để tổ chức thực hiện./g

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đội KKTTNDP
- Đội QLN & CCN thuế
- Lưu: VT; KTr2 (03).

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH


Nguyễn Thành Trung

Nguyễn Thành Trung
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Số: 35223 /QĐ-CCT-KTr2

Cầu Giấy, ngày 24 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ

Căn cứ Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định 110/QĐ-TCT ngày 14/01/2019 của Tổng cục Thuế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và Chi cục Thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình kiểm tra thuế;

Căn cứ Quyết định số 1403/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục thuế về việc ban hành quy trình kiểm tra hoá đơn;

Căn cứ quy chế phối hợp số 724/QCPH-BHXH-CT ngày 16/4/2015 giữa Cục Thuế TP Hà Nội và BHXH Thành phố Hà Nội;

Căn cứ chương trình phối hợp công tác số 02/CTPH-LĐLĐ-CT ngày 16/6/2015 giữa Cục thuế thành phố Hà Nội và Liên đoàn lao động thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 8687/QĐ-CT-TKT10 ngày 28/02/2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc duyệt kế hoạch kiểm tra năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 25286/QĐ-CCT ngày 01/06/2020 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế quận Cầu Giấy về việc ủy quyền ký, đóng dấu văn bản;

Xét đề nghị của Đội trưởng Đội Kiểm tra thuế số 2 - Chi cục Thuế quận Cầu Giấy.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Kiểm tra thuế tại Công ty CP đầu tư NHV, Mã số thuế: 4600483821; Địa chỉ: Tầng 04, Tháp C, Khu hỗn hợp cao tầng văn phòng – dịch vụ th, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế;
- Kiểm tra hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ;
- Kiểm tra việc trích và đóng bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn theo quy định;

Thời kỳ kiểm tra: Từ năm 2017 đến năm 2019.

Điều 2: Thành lập đoàn kiểm tra để thực hiện nhiệm vụ ghi tại Điều 1 gồm có:

1. Đ/c Nguyễn Thị Kim Thanh - KTV Đội kiểm tra thuế số 2 - Trưởng đoàn
2. Đ/c Nguyễn Thị Khánh Chi - CV Đội kiểm tra thuế số 2 - Thành viên.
3. Đ/c Vũ Thị Nguyệt - CV Đội KK, KTT, TH, NVDT, PC - Thành viên

Thời hạn kiểm tra là 10 ngày làm việc thực tế, kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra.

Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 112 của Luật quản lý thuế.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông (bà) Giám đốc Công ty CP đầu tư NHV và Đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đội KKTNDP
- Lưu VT, KTr2

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thành Trung

Số: 35.224./QĐ-CCT-KTr2

Cầu Giấy, ngày 24 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giám sát hoạt động của Đoàn kiểm tra thuế

CHI CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu là quyết định giám sát đoàn thanh tra);

Căn cứ Quyết định 110/QĐ-TCT ngày 14/01/2019 của Tổng cục Thuế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và Chi cục Thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình Kiểm tra thuế;

Căn cứ Quyết định số 1403/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục thuế về việc ban hành quy trình kiểm tra hoá đơn;

Căn cứ Quyết định số 1562/QĐ-TCT ngày 24/9/2018 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành quy chế giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra Thuế;

Căn cứ Quyết định số 35223/QĐ-CCT-KTr2 ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thuế quận Cầu Giấy về việc kiểm tra chấp hành pháp luật thuế tại Công ty CP đầu tư NHV;

Xét đề nghị của ông: Nguyễn Đức Anh - Đội trưởng Đội kiểm tra thuế số 2 – Chi cục Thuế quận Cầu Giấy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện giám sát đối với hoạt động kiểm tra của Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 35223./QĐ-CCT-KTr2 ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thuế quận Cầu Giấy về việc kiểm tra chấp hành pháp luật thuế tại Công ty CP đầu tư NHV.

Thời gian giám sát được tính kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra đến thời điểm kết thúc việc kiểm tra tại trụ sở Công ty CP đầu tư NHV.

Điều 2. Giao ông Nguyễn Đức Anh - Chức vụ Đội trưởng Đội kiểm tra thuế số 2, số điện thoại: 0903299969 thực hiện nhiệm vụ tại Điều 1.

Điều 3. Ông Nguyễn Đức Anh có nhiệm vụ giám sát hoạt động của Đoàn kiểm tra theo quy định tại Quy chế giám sát hoạt động của Đoàn kiểm tra thuế.

Điều 4. Ông Nguyễn Đức Anh , Đoàn kiểm tra, Đội kiểm tra thuế số 2, Công ty CP đầu tư NHV và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đ/c Chi cục trưởng (để B/c);
- Lưu VT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thành Trung

Cầu giấy, ngày tháng năm 2020

BIÊN BẢN
Về việc công bố quyết định Kiểm tra

Căn cứ Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số: 3.5.22.3. /QĐ-CCT-KTr2 ngày 24/8/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận Cầu Giấy về việc kiểm tra thuế tại: Công ty CP đầu tư NHV, Mã số thuế: 4600483821; Địa chỉ: Tầng 04, Tháp C, Khu hỗn hợp cao tầng văn phòng – dịch vụ th, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2020

Tại trụ sở Công ty CP đầu tư NHV, chúng tôi gồm:

I. Đoàn kiểm tra thuế:

- Đ/c Nguyễn Thị Kim Thanh - KTV Đội kiểm tra thuế số 2 - Trưởng đoàn
- Đ/c Nguyễn Thị Khánh Chi - CV Đội kiểm tra thuế số 2 - Thành viên.
- Đ/c Vũ Thị Nguyệt - CV Đội KK, KTT, TH, NVDT, PC - Thành viên

II. Người nộp thuế:

- Ông(Bà): Liêu Quang Thịnh

Số CMND: 11C. 2117099 cấp ngày 01/08/2016 do Cục giấy x.NC

Số điện thoại: 098 824 111

Chức vụ: Tổng giám đốc

- Ông(Bà): Ma Thị Hiền

Số CMND: cấp ngày do

Số điện thoại:

Chức vụ: Kế toán

Đoàn kiểm tra đã làm việc với doanh nghiệp theo các nội dung sau:

1. Trưởng Đoàn kiểm tra đã công bố toàn văn Quyết định số: 3.5.22.3. /QĐ-CCT-KTr2 ngày 24/8/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận Cầu Giấy về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty CP đầu tư NHV.

2. Trưởng Đoàn kiểm tra đã công bố toàn văn Quyết định số 3.5.22.4 /QĐ-CCT-KTr2 ngày 24/8/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận Cầu Giấy về việc giám sát hoạt động của đoàn kiểm tra.

3. Trưởng Đoàn kiểm tra đã trao Thư trao đổi thông tin cho Ông: Liêu Quang Thịnh là đại diện theo pháp luật của Công ty CP đầu tư NHV.

Công ty CP đầu tư NHV đã nghe và tiếp nhận các văn bản nêu trên.

Ý kiến của Công ty:

.....
.....

Biên bản được lập vào hồi giờ phút cùng ngày, gồm có 02 trang, được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau (Đoàn kiểm tra: 02 bản, Công ty CP đầu tư NHV: 01 bản, Cán bộ giám sát: 01 bản).

Biên bản được đọc cho mọi người cùng nghe, đồng ý và ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN NGƯỜI NỘP THUẾ

Giám đốc

Kế toán



Handwritten signature
Mai Thị Hiền

Lưu Quang Chính

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

Trưởng đoàn

Handwritten signature

Nguyễn Thị Kim Thanh

BIÊN BẢN XÁC NHẬN SỐ LIỆU KIỂM TRA
tại Công ty CP đầu tư NHV

Căn cứ quyết định số 35223/QĐ-CCT-KTr2 ngày 24/08/2020 về việc Kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty CP đầu tư NHV Địa chỉ: Tầng 04, Tháp C, Khu hỗn hợp cao tầng văn phòng - dịch vụ th, P.Yên Hòa, Q.Cầu Giấy, TP Hà Nội, Mã số thuế: 4600483821.

Hôm nay, vào 16 h ngày 09/9/2020, tại Công ty CP đầu tư NHV chúng tôi gồm có:

I. Đại diện đoàn kiểm tra:

Bà: Nguyễn Thị Kim Thanh - CB Đội kiểm tra thuế số 2 - Trưởng đoàn
Bà: Nguyễn Thị Khánh Chi - CB Đội kiểm tra thuế số 2 - Thành viên
Bà: Vũ Thị Nguyệt - CB Đội KK, KKT, TH, NVDT, PC - Thành viên

II. Công ty CP đầu tư NHV:

1. Ông: Lưu Quang Thịnh - Chức vụ: Giám đốc
2. Bà: Mai Thị Hiên - Chức vụ: Kế toán

Căn cứ sổ sách kế toán, chứng từ tài liệu do Công ty CP đầu tư NHV xuất trình, hai bên cùng nhau tiến hành xác nhận số liệu kiểm tra về Kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế như sau:

1. Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra thu GTGT đầu vào;
- Kiểm tra thu nhập khác;
- Kiểm tra chi phí tài chính;
- Kiểm tra hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 15/5/2010 của CP
- Kiểm tra việc trích, đóng BHXH và KPCĐ;

2. Kết quả kiểm tra:

a) kê khai thuế

STT	Kết quả thanh tra	Tài khoản hạch toán	2017	2018	2019	Tổng cộng
A	Tổng hợp theo sắc thuế					
I	Thuế GTGT					
1	Phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế.	Thuế	(18,271,378)	-	(34,349,872)	(52,621,250)

Handwritten signature

Handwritten signature

II Thuế TNDN						
1	Tăng thu nhập khác đối với khoản đầu tư và tạm ứng do hồ sơ không đầy đủ tính pháp lý	711	153,041,096		1,091,425,840	1,244,466,936
2	Giảm trừ chi phí tài chính: Khoản tạm tính chi phí lãi vay do không phục vụ hoạt động SXKD.	635		(9,689,453)		(9,689,453)
3	Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp: Khoản phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế	642	18,271,378		34,349,872	52,621,250

b) Việc in, phát hành và sử dụng hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ:

STT	Ký hiệu HĐ	Số báo cáo					Số kiểm tra					Chênh lệch
		Tồn đầu kỳ	Phát hành trong kỳ	Số HĐ sử dụng trong kỳ, trong đó		Số tồn cuối kỳ	Tồn đầu kỳ	Phát hành trong kỳ	Số HĐ sử dụng trong kỳ, trong đó		Số tồn cuối kỳ	
				Số HĐ kê khai thuế	Số HĐ đã xóa bỏ				Số HĐ kê khai thuế	Số HĐ đã xóa bỏ		
2017	VT/16P	29	0	11	18	0	29	0	11	18	0	
	HN/17P		100	15	3	82		100	15	3	82	
2018	HN/17P	82		11	23	48	82		11	23	48	
2019	HN/17P	48		32	9	7	48		32	9	7	
Tổng cộng		29	100	69	53	7	29	100	69	53	7	

Nhận xét:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ đặt in hoá đơn, phát hành hóa đơn theo qui định tại Thông tư 153/2010/TT-BTC ngày 29/09/2010 của Bộ Tài chính.

- Công ty đã lập và sử dụng hóa đơn theo qui định tại Thông tư 153/2010/TT-BTC ngày 29/09/2010 của Bộ Tài chính về việc tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn (sử dụng hóa đơn từ số bé đến số lớn, các số hóa đơn hủy đều lưu tại cuống).

- Hàng quý đơn vị có Báo cáo sử dụng hóa đơn theo Mẫu số: BC26/AC (Ban hành theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 18/09/2010 của BTC) gửi cơ quan thuế.

c) Việc trích và đóng bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn:

Công ty CP đầu tư NHV đã thực hiện việc đóng và trích bảo hiểm xã hội năm 2017, 2018, 2019 theo bảng kê chi tiết kèm theo. Đoàn Kiểm tra thực hiện việc kiểm tra chọn mẫu và ghi nhận theo số liệu báo cáo của đơn vị.

Công ty CP đầu tư NHV chưa thực hiện việc đóng và trích kinh phí công đoàn năm 2017, 2018, 2019.

3. Các nội dung ghi nhận khác: Không có

4. Ý kiến của công ty:

.....
.....
.....
Căn cứ vào báo cáo tài chính, quyết toán thuế, sổ kế toán, hoá đơn chứng từ, bảng kê hoá đơn đầu vào, đầu ra và các tài liệu liên quan do đơn vị xuất trình tại thời điểm kiểm tra, đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, ghi nhận một số nội dung nêu trên. Trường hợp sau này kiểm tra phát hiện số liệu trên báo cáo quyết toán thuế, sổ sách kế toán và chứng từ của đơn vị xuất trình không đúng thực tế, đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Biên bản được thông qua vào hồi 15 giờ 30 cùng ngày, được đọc cho mọi người cùng nghe, thống nhất ký tên dưới đây. Biên bản được lập thành 03 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau; Công ty CP đầu tư NHV 01 bản, đoàn kiểm tra 02 bản/.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
NHV**

Giám đốc

Kế toán



**Lưu Quang
Thịnh**

Mai Thị Hiên

ĐOÀN KIỂM TRA

Trưởng đoàn

**Nguyễn Thị Kim Thanh
Thành viên đoàn kiểm tra**

Nguyễn Thị Khánh Chi

Vũ Thị Nguyệt

BIÊN BẢN KIỂM TRA THUẾ

Tại: Công ty CP đầu tư NHV; Mã số thuế: 4600483821

Căn cứ Quyết định số 35223/QĐ-CCT-KTr2 ngày 24/08/2020 của Chi Cục Trưởng Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy về việc kiểm tra tại Công ty CP đầu tư NHV, mã số thuế: 4600483821, địa chỉ: Tầng 04, Tháp C, Khu hỗn hợp cao tầng văn phòng – dịch vụ th, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra Kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại: Công ty CP đầu tư NHV.

Thời kỳ kiểm tra: Năm 2017, 2018, 2019.

Số ngày làm việc thực tế: 03 ngày làm việc thực tế (ngày 07, 08, 09 tháng 9 năm 2020).

Hôm nay, ngày 10/9/2020, tại Công ty CP đầu tư NHV, chúng tôi gồm:

1. Đoàn kiểm tra:

Bà: Nguyễn Thị Kim Thanh	- CB Đội kiểm tra thuế số 2	- Trưởng đoàn
Bà: Nguyễn Thị Khánh Chi	- CB Đội kiểm tra thuế số 2	- Thành viên
Bà: Vũ Thị Nguyệt	- CB Đội KK, KKT, TH, NVDT, PC	- Thành viên

2. Công ty CP đầu tư NHV:

Ông: Lưu Quang Thịnh	- Chức vụ: Giám đốc
Bà: Mai Thị Hiên	- Chức vụ: Kế toán

Lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra như sau:

I. Đặc điểm, tình hình chung của người nộp thuế:

- Công ty CP đầu tư NHV có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600483821 do Sở KH và ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/01/2009, thay đổi lần 10 ngày 21/12/2018.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại.

- Hình thức hạch toán kế toán: Nhật ký chung

- Niên độ kế toán: Từ 01/01 đến 31/12.

- Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Chi cục Thuế quận Cầu Giấy

- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ

- Mục lục Ngân sách: Cấp 3 - Chương 754 - Loại 0402 - Khoản 161.

- Tài khoản ngân hàng:

+ TK số: 2681100191002 - tại Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Chánh.

+ TK số: 111049917038 - tại Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội

+ TK số: 11610000202331 - tại Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - CN Hoài

Đức

II. Nội dung kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế:

1. Số liệu báo cáo của đơn vị

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	2017	2018	2019
I	THUẾ GTGT			
1	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	26,119,984	10,176,841	212,872,313
2	Hàng hóa dịch vụ (HHDV) mua vào	32,778,494,558	11,398,155,231	15,725,057,526
3	Thuế hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ	1,350,260,849	1,139,744,587	1,568,103,252
4	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước	0	0	0
5	Điều chỉnh tăng	0	0	0
6	Điều chỉnh giảm	0	0	0
7	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	1,350,260,849	1,139,744,587	1,341,969,252
8	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ	35,932,653,646	9,484,564,318	78,589,032,898
9	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	20,119,904,500	0	0
10	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT	15,812,749,146	9,484,564,318	18,566,105,898
11	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	0	0	0
12	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	0	0	0
13	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	15,812,749,146	9,484,564,318	18,566,105,898
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế	0	0	60,022,927,000
14	Tổng thuế GTGT của HHDV bán ra	1,581,274,917	948,456,431	1,856,610,594
15	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước/Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước	0	0	0
16	Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước / Điều chỉnh giảm	0	0	0
17	Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước / Điều chỉnh tăng	0	0	0
18	Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh	0	0	0
19	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ	0	0	0
20	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (nếu $[40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39]>0$)	215,070,925	11,407,316	301,769,029
21	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế)	0	0	0
22	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ	215,070,925	11,407,316	301,769,029
23	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này	10,176,841	212,872,313	0
24	Thuế GTGT đề nghị hoàn	0	0	0
25	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	10,176,841	212,872,313	0
II	THUẾ TNDN			
A	Tổng doanh thu			
1	Tổng DT bán HH, DV chịu thuế TNDN	35,931,953,646	9,484,564,318	78,187,442,158
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	879,445	9,370,784,892	321,219
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh	35,704,050,968	7,917,499,001	70,850,530,209
	+ Giá vốn hàng bán	34,306,479,596	7,110,858,588	68,796,118,942
	+ Chi phí bán hàng	38,523,060	0	0
	+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,359,048,312	806,640,413	2,054,411,267
5	Chi phí tài chính	100,000	4,166,053,089	0
	Trong đó: Chi phí lãi vay	0	9,689,453	0
6	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	228,682,123	6,771,797,120	7,337,233,168

7	Thu nhập khác	700,000	0	0
8	Chi phí khác	60,036,947	1,693,600	49,818,140
9	Lợi nhuận khác	-59,336,947	-1,693,600	-49,818,140
B Xác định thu nhập chịu thuế TNDN				
1	Điều chỉnh tăng lợi nhuận	132,411,014	443,870,410	29,396,332
2	Điều chỉnh giảm lợi nhuận	0	2,070,425,705	0
3	Lỗi năm trước chuyển sang	0	0	0
4	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	301,756,190	5,143,548,225	1,663,931,532
5	Thuế suất thuế TNDN	0	0	0
6	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	60,351,238	1,028,709,645	1,463,362,270
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi khác mức thuế suất phổ thông	0	0	0
8	Thuế TNDN được miễn, giảm	0	0	0
9	Thuế TNDN còn phải nộp	60,351,238	1,028,709,645	1,463,362,270
III THUẾ TNCN				
	Tổng thuế thu nhập cá nhân phải nộp; trong đó:	2,225,438	2,191,170	48,809,313
1	Thuế TNCN thường xuyên	2,225,438	2,191,170	48,809,313
2	Thuế TNCT khấu trừ tại nguồn 10%	0	0	0
3	Thuế TNCT khấu trừ tại nguồn 20%	0	0	0
4	Thuế TNCN đầu tư vốn 5%	0	0	0
5	Thuế TNCN khác	0	0	0
IV THUẾ NHÀ THẦU				
	Tổng số thuế nhà thầu phải nộp; trong đó:	0	0	0
1	Thuế GTGT nhà thầu	0	0	0
2	Thuế TNDN nhà thầu	0	0	0
V THUẾ KHÁC				
1	Thuế môn bài	3,000,000	3,000,000	3,000,000
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0
3	Thuế khác phải nộp	0	0	0

2. Các nội dung tiến hành kiểm tra

- Kiểm tra thu GTGT đầu vào
- Kiểm tra thu nhập khác
- Kiểm tra chi phí tài chính
- Kiểm tra hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 15/5/2010 của CP
- Kiểm tra việc trích, đóng BHXH và KPCĐ

3. Kết quả kiểm tra

3.1 Năm 2017

* Kết quả kiểm tra

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Kết quả ĐC tăng, giảm (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Thuế GTGT		
1	Phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế.	(18,271,378)	Khoản 9, Điều 14, Mục 1, Chương III, TT 219/2013/TT- BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính

Handwritten signature

Handwritten signature

II Thuế TNDN			
1	Tăng thu nhập khác đối với khoản đầu tư và tạm ứng do hồ sơ không đầy đủ tính pháp lý	153,041,096	Khoản 7, Điều 7, Thông tư số 78/2014/TT - BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính
2	Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp: Khoản phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế	18,271,378	Theo kết quả kiểm tra phần thuế GTGT: giảm thuế VAT đầu vào chuyển tăng chi phí QLDN.

*** Kết quả điều chỉnh thuế theo kết quả kiểm tra**

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
I THUẾ GTGT				
1	Thuế GTGT phải nộp NSNN	215,070,925	223,165,462	8,094,537
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết trong năm	10,176,841	0	(10,176,841)
3	Thuế GTGT còn được khtrừ chuyển kỳ sau	10,176,841	0	(10,176,841)
II THUẾ TNDN				
1	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	301,756,190	436,525,908	134,769,718
2	Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	0
3	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	60,351,238	87,305,182	26,953,944
8	Thuế TNDN còn phải nộp	60,351,238	87,305,182	26,953,944
III THUẾ TNCN				
1	Tổng thuế TNCN phải nộp	2,225,438	2,225,438	0
IV THUẾ NHÀ THÀU				
V THUẾ KHÁC				
1	Thuế môn bài	3,000,000	3,000,000	0

Giải thích số liệu:

3.1.1. Về doanh thu:

- Doanh thu không chịu thuế là doanh thu bán sản phẩm trồng trọt qua sơ chế (cà phê hạt).

- Doanh thu tính thuế GTGT cao hơn so với doanh thu tính TNDN: 700,000 đồng.

Nguyên nhân:

+ Năm 2017 đơn vị thanh lý CCDC. Khoản doanh thu thanh lý CCDC phản ánh ở phần doanh thu khác.

3.1.2. Về thuế GTGT:

- Thuế GTGT phải nộp NSNN tăng 8,094,537 đồng

- Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau giảm 10,176,841 đồng

Nguyên nhân:

+ Giảm 18,271,378 đồng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ do phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế.

3.1.3. Thuế TNDN

- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng 134,769,718 đồng.

Nguyên nhân:

+ Tăng 153,041,096 đồng thu nhập khác đối với khoản đầu tư và tạm ứng do hồ sơ không đầy đủ tính pháp lý.

+ Tăng 18,271,378 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp: Khoản phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế.

- Tăng số thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông số tiền 26,953,944 đồng.

3.2 Năm 2018

* Kết quả kiểm tra:

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Kết quả ĐC tăng, giảm (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Thuế GTGT		
II	Thuế TNDN		
1	Giảm trừ chi phí tài chính: Khoản tạm tính chi phí lãi vay do không phục vụ hoạt động SXKD.	(9,689,453)	Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 96/2015/TT - BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính

* Kết quả điều chỉnh thuế theo kết quả kiểm tra

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
I	THUẾ GTGT			
1	Thuế GTGT phải nộp NSNN	11,407,316	21,584,157	10,176,841
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết trong năm	212,872,313	212,872,313	0
3	Thuế GTGT còn được khtrừ chuyển kỳ sau	212,872,313	212,872,313	0
II	THUẾ TNDN			
1	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	5,143,548,225	5,153,237,678	9,689,453
2	Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	0
3	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1,028,709,645	1,030,647,536	1,937,891
8	Thuế TNDN còn phải nộp	1,028,709,645	1,030,647,536	1,937,891
III	THUẾ TNCN			
1	Tổng thuế TNCN phải nộp	2,191,170	2,191,170	0
IV	THUẾ NHÀ THÀU			
V	THUẾ KHÁC			
1	Thuế môn bài	3,000,000	3,000,000	0

Hoa

Uau

Giải thích số liệu:

3.2.1. Về thuế GTGT:

- Thuế GTGT phải nộp NSNN tăng 10,176,841 đồng

Nguyên nhân:

- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang giảm 10,176,841 đồng. (Theo kết quả kiểm tra năm 2017).

3.2.2. Thuế TNDN

- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng 9,689,453 đồng.

Nguyên nhân:

+ Giảm 9,689,453 đồng chi phí tài chính: Khoản tạm tính chi phí lãi vay do không phục vụ hoạt động SXKD.

- Tăng số thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông số tiền 1,937,891 đồng.

3.3 Năm 2019

*** Kết quả kiểm tra**

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Kết quả ĐC tăng, giảm (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Thuế GTGT		
1	Phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế.	(34,349,872)	Khoản 9, Điều 14, Mục 1, Chương III, TT 219/2013/TT- BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính
II	Thuế TNDN		
1	Tăng thu nhập khác đối với khoản đầu tư và tạm ứng do hồ sơ không đầy đủ tính pháp lý	1,091,425,840	Khoản 7, Điều 7, Thông tư số 78/2014/TT - BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính
2	Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp: Khoản phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế	34,349,872	Theo kết quả kiểm tra phần thuế GTGT: giảm thuế VAT đầu vào chuyển tăng chi phí QLDN.

*** Kết quả điều chỉnh thuế theo kết quả kiểm tra**

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
I	THUẾ GTGT			
1	Thuế GTGT phải nộp NSNN	301,769,029	336,118,901	34,349,872
II	THUẾ TNDN			
1	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	1,663,931,532	8,373,887,328	1,057,075,968
2	Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	0

+ Giảm 18,271,378 đồng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ do phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế.

3.1.3. Thuế TNDN

- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng 134,769,718 đồng.

Nguyên nhân:

+ Tăng 153,041,096 đồng thu nhập khác đối với khoản đầu tư và tạm ứng do hồ sơ không đầy đủ tính pháp lý.

+ Tăng 18,271,378 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp: Khoản phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế.

- Tăng số thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông số tiền 26,953,944 đồng.

3.2 Năm 2018

* Kết quả kiểm tra:

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Kết quả ĐC tăng, giảm (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Thuế GTGT		
II	Thuế TNDN		
1	Giảm trừ chi phí tài chính: Khoản tạm tính chi phí lãi vay do không phục vụ hoạt động SXKD.	(9,689,453)	Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 96/2015/TT - BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính

* Kết quả điều chỉnh thuế theo kết quả kiểm tra

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
I	THUẾ GTGT			
1	Thuế GTGT phải nộp NSNN	11,407,316	21,584,157	10,176,841
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết trong năm	212,872,313	212,872,313	0
3	Thuế GTGT còn được khtrừ chuyển kỳ sau	212,872,313	212,872,313	0
II	THUẾ TNDN			
1	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	5,143,548,225	5,153,237,678	9,689,453
2	Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	0
3	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1,028,709,645	1,030,647,536	1,937,891
8	Thuế TNDN còn phải nộp	1,028,709,645	1,030,647,536	1,937,891
III	THUẾ TNCN			
1	Tổng thuế TNCN phải nộp	2,191,170	2,191,170	0
IV	THUẾ NHÀ THÀU			
V	THUẾ KHÁC			
1	Thuế môn bài	3,000,000	3,000,000	0

Handwritten signature

Handwritten signature

3	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1,463,362,270	1,674,777,466	211,415,196
8	Thuế TNDN còn phải nộp	1,463,362,270	1,674,777,466	211,415,196
III	THUẾ TNCN			
1	Tổng thuế TNCN phải nộp	48,809,313	48,809,313	0
IV	THUẾ NHÀ THẦU			
V	THUẾ KHÁC			
1	Thuế môn bài	3,000,000	3,000,000	0

Giải thích số liệu:

3.3.1. Về doanh thu:

- Doanh thu không chịu thuế là doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Doanh thu tính thuế GTGT cao hơn so với doanh thu tính TNDN: 401,590,740 đồng.

Nguyên nhân:

- + Năm 2019 đơn vị xuất hóa đơn quà biếu, quà tặng cho khách hàng. Khoản doanh thu được hạch toán vào chi phí quản lý.

3.3.2. Về thuế GTGT:

- Thuế GTGT phải nộp NSNN tăng 34,349,872 đồng

Nguyên nhân:

- + Giảm 34,349,872 đồng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ do phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế.

3.3.3. Thuế TNDN

- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng 1,057,075,968 đồng .

Nguyên nhân:

- + Tăng 1,091,425,840 đồng thu nhập khác đối với khoản tạm ứng do hồ sơ không đầy đủ tính pháp lý.

- + Tăng 34,349,872 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp: Khoản phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế.

- Tăng số thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông số tiền 211,415,196 đồng.

III. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

(Theo biểu đính kèm)

IV. Kiểm tra việc in, phát hành và sử dụng hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ:

STT	Ký hiệu HĐ	Số báo cáo					Số kiểm tra					Chênh lệch
		Tồn đầu kỳ	Phát hành trong kỳ	Số HĐ sử dụng trong kỳ, trong đó		Số tồn cuối kỳ	Tồn đầu kỳ	Phát hành trong kỳ	Số HĐ sử dụng trong kỳ, trong đó		Số tồn cuối kỳ	
				Số HĐ kê khai thuế	Số HĐ đã xóa bỏ				Số HĐ kê khai thuế	Số HĐ đã xóa bỏ		
2017	VT/16P	29	0	11	18	0	29	0	11	18	0	
	HN/17P		100	15	3	82		100	15	3	82	
2018	HN/17P	82		11	23	48	82		11	23	48	
2019	HN/17P	48		32	9	7	48		32	9	7	
Tổng cộng		29	100	69	53	7	29	100	69	53	7	

Nhận xét:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ đặt in hoá đơn, phát hành hóa đơn theo qui định tại Thông tư 153/2010/TT-BTC ngày 29/09/2010 của Bộ Tài chính.

- Công ty đã lập và sử dụng hóa đơn theo qui định tại Thông tư 153/2010/TT-BTC ngày 29/09/2010 của Bộ Tài chính về việc tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn (sử dụng hóa đơn từ số bé đến số lớn, các số hóa đơn hủy đều lưu tại cuối).

- Hàng quý đơn vị có Báo cáo sử dụng hóa đơn theo Mẫu số: BC26/AC (Ban hành theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 18/09/2010 của BTC) gửi cơ quan thuế.

V. Kiểm tra việc trích và đóng bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn:

Công ty CP đầu tư NHV đã thực hiện việc đóng và trích bảo hiểm xã hội năm 2017, 2018, 2019 theo bảng kê chi tiết kèm theo. Đoàn Kiểm tra thực hiện việc kiểm tra chọn mẫu và ghi nhận theo số liệu báo cáo của đơn vị.

Công ty CP đầu tư NHV chưa thực hiện việc đóng và trích kinh phí công đoàn năm 2017, 2018, 2019.

Yêu cầu đơn vị có trách nhiệm trích nộp đủ tiền bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn theo quy định của pháp luật.

VI. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận:

1.1. Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán:

Công ty đã mở sổ sách kế toán để theo dõi, hạch toán kết quả kinh doanh theo quy định.

1.2. Về việc kê khai thuế, nộp thuế:

Công ty đã chấp hành đầy đủ các qui định về việc kê khai, nộp thuế. Tuy nhiên còn tồn tại các nội dung sau đây:

1.1. Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán:

Công ty đã mở sổ sách kế toán để theo dõi, hạch toán kết quả kinh doanh theo quy định.

1.2. Về việc kê khai thuế, nộp thuế:

Công ty đã chấp hành đầy đủ các qui định về việc kê khai, nộp thuế. Tuy nhiên còn tồn tại các nội dung sau đây:

- Về Thuế GTGT:

+ Đơn vị chưa phân bổ lại thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho doanh thu ko chịu thuế.

Đơn vị đã vi phạm vào Khoản 9, Điều 14, Mục 1, Chương III, Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

- Về Thuế TNDN:

+ Tăng thu nhập khác đối với khoản đầu tư và tạm ứng do hồ sơ không đầy đủ tính pháp lý. Đơn vị đã vi phạm vào Khoản 7, Điều 7, Thông tư số 78/2014/TT - BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính.

+ Giảm trừ chi phí tài chính: Khoản tạm tính chi phí lãi vay do không phục vụ hoạt động SXKD. Đơn vị đã vi phạm vào Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 96/2015/TT - BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

- Về thuế TNCN: Đoàn kiểm tra không tiến hành kiểm tra, đoàn ghi nhận theo số liệu của đơn vị. Trường hợp sau này kiểm tra phát hiện số liệu trên báo cáo quyết toán thuế, sổ sách kế toán và chứng từ của đơn vị xuất trình không đúng thực tế, đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

- Về hóa đơn:

+ Về việc sử dụng hóa đơn của DN nghỉ bỏ địa chỉ kinh doanh: Không có

+ Kiểm tra việc in, phát hành và sử dụng hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ: Công ty thực hiện việc tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn theo quy định và thực hiện báo cáo việc sử dụng hóa đơn theo mẫu BC26/AC ban hành theo Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính.

- Về việc trích nộp BHXH và KPCĐ:

+ Công ty CP đầu tư NHV đã thực hiện việc đóng và trích bảo hiểm xã hội năm 2017, 2018, 2019 theo bảng kê chi tiết kèm theo. Đoàn Kiểm tra thực hiện việc kiểm tra chọn mẫu và ghi nhận theo số liệu báo cáo của đơn vị.

+ Công ty CP đầu tư NHV chưa thực hiện việc đóng và trích kinh phí công đoàn năm 2017, 2018, 2019.

1.3. Kết quả kiểm tra

Từ các nội dung nêu trên, đoàn kiểm tra xác định số liệu tăng giảm qua kiểm tra như sau:

Năm	2017	2018	2019	Tổng cộng	Tiểu Mục
Thuế GTGT	8,094,537	10,176,841	34,349,872	52,621,250	1701
Thuế TNDN	26,953,944	1,937,891	211,415,196	240,307,031	1052
Tổng số thuế truy thu qua kiểm tra				292,928,281	

Căn cứ vào báo cáo tài chính, quyết toán thuế, sổ kế toán, hoá đơn chứng từ, bảng kê hoá đơn đầu vào, đầu ra và các tài liệu liên quan do đơn vị xuất trình tại thời điểm kiểm tra, đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, xác định số liệu tăng (giảm) qua kiểm tra nêu trên. Trường hợp sau này kiểm tra phát hiện số liệu trên báo cáo quyết toán thuế, sổ sách kế toán và chứng từ của đơn vị xuất trình không đúng thực tế, đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

2. Kiến nghị

2.1. Yêu cầu Công ty chấn chỉnh ngay những tồn tại như đã nêu ở phần trên và điều chỉnh số liệu kê khai, điều chỉnh sổ sách kế toán và các tài khoản có nội dung liên quan ngay sau khi nhận được biên bản kết luận kiểm tra để làm cơ sở kê khai, hạch toán cho kỳ sau.

2.2. Đoàn kiểm tra kiến nghị Chi Cục Trưởng Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy xử lý vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty CP đầu tư NHV như sau:

- Tổng tiền thuế truy thu qua kiểm tra, số tiền: 292,928,281 đồng. Trong đó:

+ Thuế GTGT số tiền 52,621,250 đồng (Năm 2017: 8,094,537 đồng, Năm 2018: 10,176,841 đồng, Năm 2019: 34,349,872 đồng).

+ Thuế TNDN số tiền 240,307,031 đồng (Năm 2017: 26,953,944 đồng, Năm 2018: 1,937,891 đồng, Năm 2019: 211,415,196 đồng).

- Tiền phạt khai sai mức 20% trên số thuế tăng thêm qua kiểm tra Theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 138 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1, Khoản 2, Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ do có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, số tiền: 58,585,656 đồng.

- Tiền chậm nộp, số tiền: 25,537,087 đồng Theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 59, Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Luật Quản lý thuế và Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ do có hành vi chậm nộp tiền thuế. Cụ thể:

Năm	Số thuế truy thu	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Số tiền thuế truy thu	Số tiền chậm nộp
2017	Thuế GTGT				8,094,537	2,340,940
	2017-T12	21/01/2018	10/09/2020	964	8,094,537	2,340,940
2017	Thuế TNDN	01/04/2018	10/09/2020	894	26,953,944	7,229,048
2018	Thuế GTGT				10,176,841	2,846,567
	2018-T01	21/02/2018	10/09/2020	933	9,947,009	2,784,168
	2018-T02	21/03/2018	10/09/2020	905	229,832	62,399
2018	Thuế TNDN	01/04/2019	10/09/2020	529	1,937,891	307,543
2019	Thuế GTGT				34,349,872	2,411,361

2019-T12		21/01/2020	10/09/2020	234	34,349,872	2,411,361
2019	Thuế TNDN	31/03/2020	10/09/2020	164	211,415,196	10,401,628
Tổng					292,928,281	25,537,087

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 10/09/2020. Yêu cầu Công ty CP đầu tư NHV tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 11/09/2020 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách Nhà Nước.

Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là: 377,051,024 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm năm mươi một nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng).

Yêu cầu Công ty CP đầu tư NHV nộp đầy đủ, kịp thời số tiền thuế truy thu, tiền phạt và số tiền chậm nộp khi có quyết định xử lý của cơ quan thuế.

VII. Ý kiến của doanh nghiệp (nếu có).

.....
 Biên bản được thông qua vào hồi.....giờ cùng ngày. Biên bản gồm có 11 trang, được lập thành 05 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau; Công ty CP đầu tư NHV 01 bản, Phòng KK-KTT 01 bản (nếu có), Đội kiểm tra thuế số 2 - Chi cục Thuế quận Cầu Giấy 01 bản, đoàn kiểm tra 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP
ĐẦU TƯ NHV**

Giám đốc

Kế toán



**Lưu Quang
Thịnh**

Mai Thị Hiên

ĐOÀN KIỂM TRA

Trưởng đoàn

**Nguyễn Thị Kim Thanh
Thành viên đoàn kiểm tra**

Nguyễn Thị Khánh Chi

Vũ Thị Nguyệt